

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN CHÍNH**

Số: 03/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Xuân Chính, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của xã Xuân Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN CHÍNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền ngày 19 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 39 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Chính về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã Xuân Chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của xã Xuân Hòa, theo các biểu kèm:

1. Biểu số 108/CK TC-NSN: Cân đối ngân sách ngân sách xã
2. Biểu số 109/CK TC-NSN: Dự toán thu ngân sách ngân sách xã
3. Biểu số 110/CK TC-NSN: Dự toán chi ngân sách ngân sách xã
4. Biểu số 112/CK TC-NSN: Kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Xuân Chính, Tài chính – Kế toán chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Đài truyền thanh xã ;
- Lưu: VT, TC-KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN CHÍNH
Số 16/TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Xuân Chính; ngày 16 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023
trình Hội đồng nhân dân xã

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 82/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ –CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước;

UBND xã Xuân Chính thông báo công khai số liệu dự toán ngân sách xã Xuân Chính trình Hội đồng nhân dân xã Xuân Chính khoá II kỳ họp thứ Sáu cụ thể như sau;

1. Công khai biểu mẫu, số dự toán năm 2023 gồm các biểu mẫu:

- Biểu mẫu: 103/CK TC – NSNN
- Biểu mẫu: 104/CK TC – NSNN;
- Biểu mẫu : 105/CK TC NSNN;
- Biểu mẫu : 106/CK TC NSNN;

2. Hình thức công khai: Công bố trên hệ thống truyền thanh của xã, gửi Thông báo công khai cho Đảng uỷ, Thường trực HĐND, các đại biểu HĐND xã, niêm yết tại UBND xã, gửi các ngành đoàn thể, các thôn trong xã ;

3. Thời gian công khai từ 16/12/2022 đến kỳ họp HĐND cuối năm
Ủy ban nhân dân xã Xuân Chính trân trọng thông báo./.

Nơi nhận;
Đảng ủy xã
HĐND xã;
Đài truyền thanh xã;
Các ban ngành, các xóm trong xã
Lưu bộ phận NS xã , VP UBND

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
Chủ tịch



Nguyễn Văn Liên

HUYỆN :Huyện Kim Sơn
UBND XÃ : Xã Xuân Chính
Mã QHNDS : 1041076

Mẫu biểu số 103/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC
Ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	7.325.574.000	Tổng số chi	7.328.569.000
I.Các khoản thu xã hưởng 100%	192.200.000	A. Chi ngân sách đã qua kho bạc	7.328.569.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	77.763.000	I. Chi đầu tư phát triển	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		II. Chi thường xuyên	7.328.569.000
IV .Thu chuyển nguồn		III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã cấp sang năm sau(Nếu có)	
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
VI. Thu bổ sung từ ngân sách trên	7.055.611.000	B. Chi ngân sách chưa qua kho bạc	

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Bộ phận tài chính, kế toán xã
(Ký, họ tên)

Trần Văn Trình

Ngày 15 tháng 12 năm 2022

TM. UBND xã, phường, thị trấn – Chủ tịch
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Liên

HUYỆN :Huyện Kim Sơn
 UBND XÃ : Xã Xuân Chính
 Mã QHNDS : 1041076

Mẫu biểu số 104/CK TC - NSNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
 Ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM
 Năm 2023

Nội dung	Ước thực hiện năm n-1		Dự toán năm n		So sánh(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	29.276.329.000	29.174.911.000	7.431.811.000	7.325.569.000	12.43	12.27
I. Các khoản thu 100%	202.200.000	202.200.000	192.200.000	192.200.000	114.43	102.84
Phí , lệ phí	12.200.000	12.200.000	12.200.000	12.200.000	132.97	132.97
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	160.000.000	160.000.000	165.000.000	165.000.000	111.2	98.61
+ Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích	160.000.000	160.000.000	165.000.000	165.000.000	111.2	98.61
+ Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định						
Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		0				
Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
Đóng góp của nhân dân theo quy định						
Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
Thu khác	10.400.000	10.400.000	15.000.000	15.000.000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	173.418.000	72.200.000	184.000.000	77.763.000	61.2	85.53
1.Các khoản thu phân chia	44.514.000	32.000.000	53.500.000	38.200.000	40.61	89.84



Nội dung	Ước thực hiện năm n-1		Dự toán năm n		So sánh(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000.000	4.200.000	6.000.000	4.200.000	192.14	192.14
Thu tiền sử dụng đất						
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.800.000	2.800.000	2.500.000	2.500.000	104.17	104.17
Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.714.000	25.000.000	45.000.000	31.500.000	103.29	103.29
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	131.904.000	43.000.000	130.500.000	39.563.000	77.26	81.74
- Thuế giá trị gia tăng và TNDN	5.714.000	4.000.000	8.000.000	4.989.000	216.49	209.69
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ sản xuất kinh doanh	2.857.000	2.000.000	2.500.000	2.500.000	135.3	210.15
- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	123.333.000	37.000.000	120.000.000	32.074.000	73.45	71.54
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	4.576.711.463	4.576.711.463				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	.	.				
VI. Thu bổ sung từ ngân sách trên	24.321.000.000	24.321.000.000	7.055.611.000	7.055.611.000	28.4	28.21
Bổ sung cân đối ngân sách	10.520.800.000	10.520.800.000	6.868.696.000	6.868.696.000	100	100
Bổ sung có mục tiêu	13.800.200.000	13.800.200.000	186.915.000	186.915.000	1.04	1.03

Bộ phận tài chính, kế toán xã

(Ký, họ tên)



TM. UBND xã, phường, thị trấn – Chủ tịch

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 15 tháng 12 năm 2022

Trần Văn Trinh

Nguyễn Văn Liên



Khoản mục	Dự toán năm n - 1			Dự toán năm n			So sách(%)		
	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTP T	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
- Các hoạt động kinh tế khác				684.655.000		684.655.000			
- Thương mại du lịch									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.661.848.000		5.661.848.000	5.290.799.000		5.290.799.000	93.45		93.45
Trong đó : Quỹ lương									
10.1 Quản lý Nhà nước	4.239.574.000		4.239.574.000	3.311.906.000		3.311.906.000	78.12		78.12
10.2 Chi hội đồng nhân dân	321.128.000		321.128.000	320.764.000		320.764.000	99.89		99.89
10.3 Đảng Cộng sản Việt Nam	371.921.000		371.921.000	441.920.000		441.920.000	118.82		118.82
10.4 Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	133.380.000		133.380.000	323.147.000		323.147.000	242.28		242.28
10.5 Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	126.147.000		126.147.000	182.058.000		182.058.000	144.32		144.32
10.6 Hội Liên hiệp Phụ nữ	115.898.000		115.898.000	190.759.000		190.759.000	164.59		164.59
10.7 Hội Cựu chiến binh	188.562.000		188.562.000	208.167.000		208.167.000	110.4		110.4
10.8 Hội Nông dân	96.454.000		96.454.000	202.058.000		202.058.000	209.49		209.49
10.9 Hội chữ thập đỏ	25.000.000		25.000.000	12.516.000		12.516.000	50.06		50.06
10.10 Hội người cao tuổi	18.720.000		18.720.000	18.720.000		18.720.000	100		100
10.11 Hội người khuyết học	25.064.000		25.064.000	12.516.000		12.516.000	49.94		49.94
10.12 Các hiệp hội khác				66.268.000		66.268.000			
11. Chi cho công tác xã hội	78.086.000		78.086.000						
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	47.113.000		47.113.000						

Khoản mục	Dự toán năm n - 1			Dự toán năm n			So sách(%)		
	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTP T	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội	30.973.000		30.973.000						
12. Chi khác	31.412.000		31.412.000	29.025.000		29.025.000	92.4		92.4
13. Dự phòng				129.722.000		129.722.000			
14. Tiết kiệm chi	166.008.000		166.008.000	182.598.000		182.598.000	109.9		109.99
15. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Bộ phận tài chính, kế toán xã
(Ký, họ tên)



Trần Văn Trình

Ngày 15 tháng 12 năm 2022

TM. UBND xã, phường, thị trấn – Chủ tịch
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Liên

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/20...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/20..	Dự toán năm...			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Trong đó: hoàn thành trong năm		0,00	0,00	0,00		0,00	0,00	0,00	

chú: (1) theo phân cấp của tỉnh